

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Lê Nam** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Phùng Bích Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị M;
2. Ông Nguyễn Văn S;
3. Ông Nguyễn Văn Đ1;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Chi Nguyễn Thị Như Y;

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Bi đơn*: Ông Nguyễn Văn T1;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn B;
2. Ông Nguyễn Văn L;
3. Ông Nguyễn Văn Đ2;
4. Ông Ngô Văn Q;
5. Ông Trần Hoàng N1;
6. Ông Trần Văn N2;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị Như Y trình bày: Ông Nguyễn Văn Mười (chết năm 2010) và bà Huỳnh Thị Thép (chết năm 1993) có 06 người con gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Ch. Khi còn sống, ông, bà có chia cho các con là ông S, ông Đ1, ông T1, bà M, bà Đ phần đất riêng. Sau khi chết, ông Mười, bà Tiếp còn để lại diện tích 9.340,5 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và một số các cây lâu năm Xoài, Mít, Cóc... Sau đó, anh em trong nhà tổ chức họp thống nhất cho Nguyễn Văn Ch được quyền đứng tên quản lý toàn bộ tài sản của cha mẹ để lại. Năm 2016, Nguyễn Văn Ch chết, anh em thống nhất ủy quyền cho Nguyễn Văn T1 nhận số tiền của Nguyễn Văn Ch được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ ảnh hưởng dự án đường điện là 314.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay Nguyễn Văn T1 ngang nhiên vô vờn quản lý, canh tác đất và chiếm giữ toàn bộ số tiền nhận bồi thường. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là toàn bộ diện tích đất 9.340,5m² và số tiền 314.000.000 đồng cho 05 phần thừa kế trong đó có 04 phần của các nguyên đơn là bà M, ông S, ông Đ1 và chị Nguyễn Thị Như Y (thừa kế của mẹ ruột Nguyễn Thị Đ đã chết năm 2006).

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Như Y đồng ý rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông thừa nhận khi cha mẹ chết có để lại diện tích 9.340,5 m² đất, 01 căn nhà cấp 4, một số cây trồng trên đất nhưng các anh chị em thống nhất giao cho Nguyễn Văn Ch là con trai út quản lý, đứng tên. Sau khi ông Ch chết (năm 2015) thì ông quản lý đất. Ngoài ra, sau khi Ch chết, ông được các anh em ủy quyền nhận khoản tiền 314.000.000 đồng Nhà nước bồi thường do trụ diện đi qua trên đất của Nguyễn Văn Ch đứng tên và đồng ý cho ông đứng ra sửa mố mã hết 143.000.000 đồng, ông sửa sang lại nhà cũ 26.000.000 đồng. Trong phần đất 9.340,5m² Nguyễn Văn Ch đứng tên, trước khi chết mười mấy ngày Nguyễn Văn Ch có chuyển nhượng cho ông khoảng 2.000m² không đo đạc thực tế với giá 50.000.000 đồng, ông đã giao cho

Ch 25.000.000 đồng, việc mua bán và giao tiền đều không có giấy tờ. Trên phần đất ông xây mới căn nhà cặp nhà cũ của cha mẹ để lại với số tiền 221.800.000 đồng và trồng thêm một số cây trên đất. Ông yêu cầu tách phần ông đã sang nhượng của Nguyễn Văn Ch, phần đất còn lại chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế trong đó ông có 01 phần, tiền nhà cửa, tiền cây trồng ông tu bổ trên đất trả lại cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 (vợ của ông T1) thống nhất ý kiến của ông T1, bà không có ý kiến gì khác.

Những người làm chứng trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn B: Ông có biết Nguyễn Văn Ch bán đất cho ông T1 nhưng không biết diện tích bao nhiêu, số tiền bao nhiêu nhưng khi ông Ch còn sống có nghe ông Ch nói lại là ông T1 đã giao lại cho ông Ch 25.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L: Ông đi qua lại trên đất nên ông có biết Nguyễn Văn Ch có bán đất 2.000m² cho ông T1, ông T1 đã giao trả cho ông Ch 25.000.000 đồng, ông T1 chưa kịp giao số tiền còn lại thì Ch chết. Trước khi chết, trên đất ông Ch có trồng cây Xoài, Mít, Cóc. Sau khi Ch chết, ông T1 có trồng thêm khoảng 400 cây Mít, và 150 cây Măng Cầu.

Ông Nguyễn Văn Đ2: Khi Ch còn sống có nghe bán đất cho ông T1 01 bờ xuôi và 01 bờ ngang với giá 50.000.000 đồng, ông nghe ông T1 nói lại là ông T1 đã giao cho ông Ch được 25.000.000 đồng. Đối với đất của ông Ch chết để lại, Nguyễn Văn Ch trồng Xoài, còn ông Nguyễn Văn T1 vô canh tác trồng thêm Mít, Cóc.

Ông Ngô Văn Q: Trên đất ông Ch trồng Xoài, Mít. Sau khi ông Ch chết, ông T1 có trồng thêm Mít, Xoài, Cóc. Ông có nghe ông T1 nói lại ông Ch có bán đất cho ông T1 01 bờ xuôi và 01 bờ ngang.

Ông Trần Hoàng N1: Ông có biết Nguyễn Văn Ch khi còn sống có bán đất cho ông Nguyễn Văn T1 01 bờ xuôi và 01 bờ ngang, ông T1 giao cho ông Ch 25.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng, ông Ch bán đất được khoảng mười mấy ngày thì ông Ch chết.

Ông Trần Văn N2: Khi còn sống ông có nghe ông Ch nói đau bệnh không làm được nên bán đất cho ông T1, ông không biết diện tích và số tiền bao nhiêu. Trước khi chết trên đất ông Ch có trồng Xoài, còn Mít do ông T1 trồng sau khi ông Ch chết.

Ông Nguyễn Thanh D: Ông có nghe ông Ch nói ông T1 xuất tiền trị bệnh cho ông Ch đi rồi ông T1 lấy 02 công đất, nói miệng không có giấy tờ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1.

1. Phần di sản gồm diện tích đất và tiền (sau khi khấu trừ giá trị cây trồng trên đất cho ông T1) mỗi người được chia, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị M được chia tại vị trí số (3) diện tích $1.693.1\text{m}^2$ (đã trừ diện tích trụ điện 288m^2 , diện tích nền mộ $51,5\text{m}^2$) và được nhận số tiền 26.324.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn S được chia phần đất tại vị trí số (4) diện tích $1752,5\text{m}^2$ và được nhận số tiền 47.708.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ1 được chia thừa kế phần đất tại vị trí số (5) diện tích $1.752,5\text{m}^2$ và được nhận số tiền 21.618.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 được chia phần đất tại vị trí số (1) diện tích 1.690m^2 (đã trừ diện tích căn nhà dùng thờ cúng 62.5m^2), trên đất có căn nhà của ông T1 xây dựng và được chia phần đất tại vị trí số (2) diện tích $1.752,6\text{m}^2$ và được chia số tiền 30.000.000 đồng. Ông T1 đã quản lý đủ.

(Số đo, tứ cận cụ thể theo sơ đồ bản vẽ)

Phần đất được chia thuộc loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC) thửa đất số 49 tờ bản đồ 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01131 cấp ngày 06/5/2015 cho ông Nguyễn Văn Ch.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải giao trả lại phần đất và số tiền cho các nguyên đơn được chia như trên.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1 đang quản lý, ông T1 có trách nhiệm giao khi cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các đồng thừa kế.

3. Phần cây trồng trên đất của ai thì người đó được hưởng.

4. Ông T1 phải có trách nhiệm di dời 22 cây Sầu Riêng giống trên vị trí số (4) và 20 cây Bơ giống trên phần đất số (5) do ông T1 mới trồng và chặt đốn 03 cây Chôm Chôm loại A tại vị trí đất số (3).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của chị Nguyễn Thị Như Y do chị Y rút yêu cầu khởi kiện.

7. Đối với căn nhà cấp 4 dùng để thờ cúng diện tích $62,5\text{m}^2$ nằm vị trí số (1), không ai yêu cầu chia nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: ông T1 đề nghị cấp phúc thẩm chia thừa kế gồm 05 phần, 4 anh em

mỗi người 01 phần, 01 phần còn lại chia cho ông để thờ cúng, còn phần đất ai được chia bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu, ông không có khả năng thối lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chia đất thành năm phần, ông được hưởng hai phần như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, nhưng không phải trả giá trị chênh lệch cho các nguyên đơn. Đối với phần đất bị Nhà nước thu hồi thì cũng có cây trồng, vật kiến trúc của ông chứ không phải của riêng ông Ch nên ông không đồng ý chia phần tiền bồi thường cho các nguyên đơn.

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1 đồng ý chia cho ông T1 hai phần như cấp sơ thẩm đã tuyên và không phải trả giá trị chênh lệch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn cho bị đơn được hưởng hai phần đất như cấp sơ thẩm đã tuyên mà không phải trả lại giá trị chênh lệch. Đối với phần tiền bồi thường thì chia làm bốn phần bằng nhau, chia đều cho bốn người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các nguyên đơn gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị Như Y yêu cầu chia thừa kế phần đất do ông Nguyễn Văn Chiến chết để lại và phần tiền do nhà nước bồi thường để thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc với số tiền 314.000.000 đồng. Tòa án, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ Tranh chấp di sản thừa kế là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1:

[3.1] Di sản do ông Nguyễn Văn Ch chết để lại có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Mười và bà Huỳnh Thị Thép. Do ông Mười, bà Thép chết không để lại di chúc nên những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Mười, bà Thép thống nhất giao lại cho ông Ch quản lý, đứng tên và ông Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, ông Ch chết, không để lại di chúc, di sản do ông Ch để lại gồm phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01131, diện tích 9.340, 5m², theo đo đạc thực tế có diện tích 9052,5m², trong đó có phần đất đã bị thu hồi với diện tích 288m² để thực hiện dự

án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc, nên diện tích còn lại là 8.754,7m² và số tiền được Nhà nước bồi thường là 327.058.334 đồng do ông Nguyễn Văn T1 đại diện nhận và quản lý.

[3.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Như Y đã rút lại yêu cầu chia thừa kế, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Y là có căn cứ.

[3.3] Do ông Ch chết, không có hàng thừa kế thứ nhất (cha, mẹ, vợ, con), nên các anh chị em của ông Ch gồm bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1 là những đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông Ch yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ông Ch để lại và số tiền nhận bồi thường là 314.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.4] Đối với phần đất các đương sự đều thống nhất diện tích đo đạc thực tế là 8.754,7m², ông T1 cho rằng, lúc còn sống, ông Ch đã bán cho ông 2.000m² với giá 50.000.000 đồng, ông đã đưa trước cho ông Ch 25.000.000 đồng, nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là có nhận chuyển nhượng đất của ông Ch, những người làm chứng thì cũng chỉ nghe nói là có việc chuyển nhượng đất giữa ông Ch và ông T1, mà không chứng kiến việc giao dịch giữa các bên. Tuy nhiên, các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 tự nguyện trả lại cho ông T1 số tiền 25.000.000 đồng mà ông T1 đã đưa cho ông Ch. Ông T1 cũng không kháng cáo đối với phần diện tích cho rằng đã chuyển nhượng của ông Ch, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, xác định phần đất ông Ch để lại có diện tích là 8.754,7m², trừ đi phần ngôi nhà để thờ cúng có diện tích 62,5m² và khu mộ diện tích 51,5m² các đương sự không yêu cầu chia thì diện tích được chia thừa kế là 8.640,7m². Về cây trồng trên đất, các đương sự thống nhất do ông Ch trồng một phần và ông T1 trồng một phần, khi chia thừa kế thì cây do ông Ch trồng trên phần đất của ai được chia thì người đó hưởng, còn cây do ông T1 trồng thì trả giá trị cho ông T1. Các đương sự cũng thống nhất theo sự phân chia của cấp sơ thẩm, không có kháng cáo nên không xem xét.

[3.5] Về số tiền bồi thường phần đất có diện tích 288m² để thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc là 327.058.334 đồng, nhưng các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia 314.000.000 đồng. Số tiền này hiện do ông T1 đại diện nhận và quản lý. Ông T1 cho rằng đã sử dụng 143.000.000 đồng để sửa mỏ mả, sửa nhà dùng để thờ cúng là 26.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận trừ hai khoản tiền này và số tiền 25.000.000 đồng mà ông T1 cho rằng đã đưa cho ông Ch để chuyển nhượng 2.000m² đất, nên số tiền để chia còn lại là 120.000.000 đồng là có lợi cho ông T1.

[3.6] Ông T1 cho rằng trong số tiền Nhà nước bồi thường 314.000.000 đồng, ngoài vật kiến trúc, cây trồng của ông Ch còn có cây trồng và vật kiến trúc của ông. Tuy nhiên, ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đồng thời tại Quyết định số 5773/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thể hiện ông T1 đã được bồi thường cây trồng và vật kiến trúc với số tiền 77.610.000 đồng nên kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Đối với số tiền bồi thường giá trị cây trồng với số tiền 46.795.000 đồng được phê duyệt tại Quyết định số 31/QĐ-UBND, ngày 03/01/2019 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, không nằm trong phạm vi xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm nên không xem xét. Số tiền này, nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3.8] Ông T1 đồng ý với diện tích đất Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia, cụ thể phần đất được chia thành 05 phần, trong đó bà M, ông S, ông Đ1 được chia mỗi người một phần, riêng ông T1 được chia hai phần. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 cho rằng ông là người chịu trách nhiệm thờ cúng và không có khả năng trả lại số tiền chênh lệch cho các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 đối với diện tích đất chia cho ông vượt một suất thừa kế theo pháp luật nên ông T1 yêu cầu không phải trả số tiền chênh lệch cho các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 khi được chia đất còn thiếu so với một suất thừa kế theo pháp luật. Yêu cầu của ông T1 được các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 chấp nhận nên ghi nhận.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông T1 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với việc các nguyên đơn tự nguyện không nhận số tiền chênh lệch do được chia đất còn thiếu so với một suất thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1. Theo đó, bà M, ông S, ông Đ1 và ông T1 được chia quyền sử dụng đất và khoản tiền bồi thường sau khi trừ lại giá trị cây trồng mà ông T1 đã trồng trên phần đất được chia, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị M được chia tại vị trí số (3) diện tích 1.693.1m² (đã trừ diện tích trụ điện 288m², diện tích nền mộ 51,5m²) và số tiền 30.000.000 đồng từ nguồn tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc. Bà Nguyễn Thị M có nghĩa trả lại giá trị cây trồng cho ông T1 số tiền 31.700.000 đồng, trừ số tiền 30.000.000 đồng được chia thừa kế nêu trên, bà M còn phải trả cho ông T1 1.700.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn S được chia phần đất tại vị trí số (4) diện tích 1752,5m² và số tiền 30.000.000 đồng từ nguồn tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc. Ông S có nghĩa trả lại giá trị cây trồng cho ông T1 số tiền 7.940.000 đồng, trừ số tiền 30.000.000 đồng được chia thừa kế nêu trên, số tiền còn lại ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông S là 22.060.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ1 được chia thừa kế phần đất tại vị trí số (5) diện tích 1.752,5m² và số tiền 30.000.000 đồng từ nguồn tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc. Ông Đ1 có nghĩa trả lại giá trị cây trồng cho ông T1 số tiền 34.030.000 đồng, trừ số tiền 30.000.000 đồng được chia thừa kế nêu trên, ông Đ1 còn phải trả cho ông T1 4.030.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T1 được chia phần đất tại vị trí số (1) diện tích 1.690m² (đã trừ diện tích căn nhà dùng thờ cúng 62.5m²), trên đất có căn nhà của ông T1 xây dựng và được chia phần đất tại vị trí số (2) diện tích 1.752,6m²

và được chia thừa kế số tiền 30.000.000 đồng từ nguồn tiền bồi thường thực hiện dự án đường dây 220KV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc và được nhận giá trị cây trồng mà ông T1 đã trồng trên những phần đất được chia cho bà M, ông S, ông Đ1 và được khấu trừ lại số tiền 30.000.000 đồng các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 được chia thừa kế.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các nguyên đơn bà M, ông S, ông Đ1 và bị đơn ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận; do kháng cáo của ông T1 được chấp nhận một phần nên không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Các Điều 634, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Các Điều 99, Điều 167, 203 của Luật đất đai năm 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1.

1. Phần di sản gồm diện tích đất và tiền (sau khi khấu trừ giá trị cây trồng trên đất cho ông T1), các nguyên đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ1 mỗi người được chia, cụ thể như sau:

1.1 Bà Nguyễn Thị M được chia phần đất tại vị trí số (3) diện tích 1.693.1m² (đã trừ diện tích trụ điện 288m², diện tích nền mộ 51,5m²).

Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị M phần đất tại vị trí số (3) diện tích 1.693.1m² (đã trừ diện tích trụ điện 288m², diện tích nền mộ 51,5m²).

Bà M có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 1.700.000 đồng.

1.2 Ông Nguyễn Văn S được chia phần đất tại vị trí số (4) diện tích 1752,5m² và số tiền 22.060.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ giao cho Nguyễn Văn S phần đất tại vị trí số (4) diện tích 1752,5m² và số tiền 22.060.000 đồng.

1.3 Ông Nguyễn Văn Đ1 được chia phần đất tại vị trí số (5) diện tích 1.752,5m².

Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ giao cho Nguyễn Văn Đ1 phần đất tại vị trí số (5) diện tích 1.752,5m².

Ông Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 4.030.000 đồng.

2. Ông Nguyễn Văn T1 được chia phần đất tại vị trí số (1) diện tích 1.690m² (đã trừ diện tích căn nhà dùng thờ cúng 62.5m²), trên đất có căn nhà của ông T1 xây dựng và được chia phần đất tại vị trí số (2) diện tích 1.752,6m² và số tiền 30.000.000 đồng. Ông T1 đã quản lý đủ.

(Số đo, tứ cận cụ thể theo sơ đồ bản vẽ)

Phần đất được chia thuộc loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC) thửa đất số 49 tờ bản đồ 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01131 cấp ngày 06/5/2015 cho ông Nguyễn Văn Ch.

3. Ông T1 phải có trách nhiệm di dời 22 cây Sầu Riêng giống trên vị trí số (4) và 20 cây Bơ giống trên phần đất số (5) do ông T1 mới trồng và đốn bỏ, di dời 03 cây Chôm Chôm loại A tại vị trí đất số (3).

4. Bà M, ông S, ông Đ1 và T1 được sở hữu những cây trồng trên phần đất đã được chia nêu trên.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của chị Nguyễn Thị Như Y do chị Y rút yêu cầu khởi kiện.

7. Đối với phần đất và căn nhà cấp 4 dùng để thờ cúng diện tích 62,5m² tại vị trí số (1) và phần nền mộ có diện tích 51,5m² tại vị trí số (3), không ai yêu cầu chia nên không xem xét.

8. Về án phí và chi phí tố tụng:

8.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 6.579.300 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.671.500 đồng theo biên lai số 0014140 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bà M phải nộp thêm 2.907.800 đồng.

- Ông Nguyễn Văn S phải chịu 6.757.500 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.671.500 đồng theo biên lai số 0014141 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông S phải nộp thêm 3.140.000 đồng

- Ông Nguyễn Văn Đ1 phải chịu 6.757.500 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.671.500 đồng theo biên lai số 0014142 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông Đ1 phải nộp thêm 3.140.000 đồng

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 11.827.800 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Như Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.671.500 đồng theo biên lai số 0014137 ngày 22/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C.

8.2 Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu, ông Nguyễn Văn T1 được nhận lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0017880 ngày 07/12/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

8.3 Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 1.946.250 đồng. Phần của bà M, ông Đ1 ông S mỗi người đã nộp 1.567.500 đồng và còn phải nộp thêm 378.750 đồng. Ông T1 đã nộp 1.515.000 đồng còn phải nộp thêm 431.250 đồng để hoàn trả lại cho chị Như Y.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/4/2019./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh